TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÙ LAO DUNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/KDTM-ST
Ngày 26 - 11 - 2018
V/v "Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liên Lâm Anh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Quân.

Ông Võ Thành Phước.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Vân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2018/TLST- KDTM, ngày 04 tháng 9 năm 2018 về việc "Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST- KDTM ngày 25 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị O, sinh năm: 1965 (có mặt).

Cư trú tại: Số nhà 172, ấp T, xã A, huyện C, tỉnh S.

- *Đồng bị đơn*:

+ Ông Trần Văn Đ, sinh năm: 1973 (vắng mặt).

+ Bà Huỳnh Thị N, sinh năm: 1976 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp L, xã A, huyện C, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 28 tháng 8 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là bà Lê Thị O trình bày:

Vào năm 2014 bà O có hợp đồng bán thức ăn tôm, vôi, thuốc và hóa chất cho vợ chồng ông Trần Văn Đ và bà Huỳnh Thị N để ông Đ và bà N nuôi tôm. Theo hợp đồng thì bà O sẽ giao thức ăn tôm, vôi, thuốc và hóa chất cho ông Đ và bà N nuôi tôm, đến khi nào ông Đ và bà N thu hoạch tôm thì trả đủ tiền cho bà O, nếu ông Đ và bà N vi phạm hợp đồng thì ông Đ và bà N phải trả thêm tiền lãi với lãi suất 1%/tháng. Khi hợp đồng thì hai bên không có làm văn bản hợp đồng, nhưng bà O có mở sổ theo dõi, khi bà O giao hàng thì gia đình ông Đ và bà N sẽ ký nhận vào sổ.

Sau khi hợp đồng bà O đã giao đầy đủ thức ăn tôm, vôi, thuốc và hóa chất cho ông Đ và bà N nuôi tôm, nhưng đến khi thu hoạch tôm thì ông Đ và bà N không trả đủ tiền cho bà O theo hợp đồng mà thiếu lại một ít, rồi tiếp tục mua thức ăn tôm, vôi, thuốc và hóa chất để nuôi vụ khác. Đến ngày 27/6/2016 giữa bà O và ông Đ, bà N tổng kết sổ thì ông Đ và bà N còn nợ bà O số tiền gốc là 445.474.000 đồng. Do ông Đ và bà N không trả tiền, nên bà O khởi kiện yêu cầu ông Đ và bà N cùng có trách nhiệm hoàn trả cho bà O số tiền gốc là 445.474.000 đồng và tiền lãi phát sinh tử ngày 28/6/2016 đến ngày xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay bà Lê Thị O vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* Tại biên bản lấy lời khai của đương sự do Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung lập ngày 22/10/2018, đồng bị đơn ông Trần Văn Đ và bà Huỳnh Thị N cùng trình bày:

Vào năm 2014 vợ chồng ông Đ và bà N có hợp đồng mua thức ăn tôm, vôi, thuốc và hóa chất của bà O để ông Đ và bà N nuôi tôm. Theo hợp đồng thì bà O sẽ giao thức ăn tôm, vôi, thuốc và hóa chất cho ông Đ và bà N nuôi tôm, đến khi nào ông Đ và bà N thu hoạch tôm thì trả đủ tiền cho bà O, nếu ông Đ và bà N vi phạm hợp đồng thì ông Đ và bà N phải trả thêm tiền lãi với lãi suất 1%/tháng. Khi hợp đồng thì hai bên không có làm văn bản hợp đồng, nhưng bà O có mở sổ theo dõi, khi bà O giao hàng thì gia đình ông Đ và bà N sẽ ký nhận vào sổ.

Sau khi hợp đồng bà O đã giao đầy đủ thức ăn tôm, vôi, thuốc và hóa chất cho ông Đ và bà N nuôi tôm, nhưng đến khi thu hoạch tôm thì do bị lỗ, nên ông Đ và bà N không trả đủ tiền cho bà O theo hợp đồng mà thiếu lại một ít, rồi tiếp tục mua thức ăn tôm, vôi, thuốc và hóa chất để nuôi vụ khác. Đến ngày 27/6/2016 giữa bà O và ông Đ, bà N tổng kết sổ thì ông Đ và bà N còn nợ bà O số tiền gốc là 445.474.000 đồng, từ đó đến nay ông Đ và bà N chưa hoàn trả số tiền nào cho bà O. Ông Đ và bà N thống nhất hoàn trả cho bà O số tiền gốc là 445.474.000 đồng, nhưng do ông Đ và bà N làm ăn thất bại, nên yêu cầu bà O không tính lãi phát sinh từ ngày 28/6/2016 và xin trả dần bằng cách mỗi năm trả 30.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong

quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng 02 bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, bà O yêu cầu vợ chồng ông Đ và bà N cùng có trách nhiệm hoàn trả cho bà O số tiền 445.474.000 đồng và tiền lãi phát sinh tử ngày 28/6/2016 đến ngày xét xử. Tại biên lấy lời khai của đương sự do Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung lập ngày 22/10/2018 ông Đ và bà N cùng thống nhất hoàn trả cho bà O số tiền 445.474.000 đồng, nhưng yêu cầu bà O không tính lãi phát sinh từ ngày 28/6/2016. Xét thấy, yêu cầu của bà O là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 50 và Điều 306 của Luật thương mại. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà O, buộc ông Đ và bà N cùng có trách nhiệm hoàn trả cho bà O số tiền nợ gốc là 445.474.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 28/6/2016 đến ngày xét xử. Riêng việc ông Đ và bà N xin trả dần không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 8 năm 2018 của bà Lê Thị O thì giữa bà O và vợ chồng ông Trần Văn Đ, bà Huỳnh Thị N có giao kết hợp đồng mua bán hàng hoá với nhau (mua bán thức ăn tôm, vôi, thuốc và hóa chất), hai bên đều có mục đích lợi nhuận. Do ông Đ và bà N vi phạm hợp đồng không trả đủ tiền mua thức ăn tôm, vôi, thuốc và hóa chất cho bà O, nên bà O khởi kiện yêu cầu ông Đ và bà N cùng có trách nhiệm hoàn trả số tiền còn nợ là 445.474.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ hợp đồng mua bán hàng hoá theo quy định tại Điều 24 của Luật thương mại. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Ông Trần Văn Đ và bà Huỳnh Thị N là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ và bà N.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Bà Lê Thị O và ông Trần Văn Đ, bà Huỳnh Thị N cùng trình bày: Vào năm 2014 bà O có hợp đồng bán thức ăn tôm, vôi, thuốc và hóa chất cho vợ chồng ông Trần Văn Đ và bà Huỳnh Thị N để ông Đ và bà N nuôi tôm. Theo

hợp đồng thì bà O sẽ giao thức ăn tôm, vôi, thuốc và hóa chất cho ông Đ và bà N nuôi tôm, đến khi nào ông Đ và bà N thu hoạch tôm thì trả đủ tiền cho bà O, nếu ông Đ và bà N vi phạm hợp đồng thì ông Đ và bà N phải trả thêm tiền lãi với lãi suất 1%/tháng. Khi hợp đồng thì hai bên không có làm văn bản hợp đồng, nhưng bà O có mở sổ theo dõi, khi bà O giao hàng thì gia đình ông Đ và bà N sẽ ký nhận vào sổ.

Sau khi hợp đồng bà O đã giao đầy đủ thức ăn tôm, vôi, thuốc và hóa chất cho ông Đ và bà N nuôi tôm, nhưng đến khi thu hoạch tôm thì ông Đ và bà N không trả đủ tiền cho bà O theo hợp đồng mà thiếu lại một ít, rồi tiếp tục mua thức ăn tôm, vôi, thuốc và hóa chất để nuôi vụ khác. Đến ngày 27/6/2016 giữa bà O và ông Đ, bà N tổng kết sổ thì ông Đ và bà N còn nợ bà O số tiền 445.474.000 đồng.

[2.2] Xét về hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng: Mặc dù hợp mua bán hàng hóa giữa bà O và vợ chồng ông Đ, bà N không lập thành văn bản, nhưng bà O và vợ chồng ông Đ, bà N cùng thừa nhận có hợp đồng mua bán hàng hóa với nhau, cụ thể bà O có hợp đồng bán thức ăn tôm, vôi, thuốc và hóa chất cho vợ chồng ông Đ và bà N để ông Đ và bà N nuôi tôm. Bà O và vợ chồng ông Đ, bà N là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, khi giao kết hợp đồng đều hoàn toàn dựa trên cơ sở tự nguyện của các bên, đối tượng giao dịch được pháp luật cho phép, hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng phù hợp với pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận đây là quan hệ hợp đồng mua bán hàng hoá theo quy định tại Điều 11, Điều 24 của Luật thương mại và giải quyết hậu quả phát sinh từ hợp đồng này theo quy định tại Điều 50 của Luật thương mại.

[2.3] Xét về lỗi: Ông Đ và bà N là người có lỗi vì đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên mua hàng hoá. Chính vì việc vi phạm nghĩa vụ trả tiền của ông Đ và bà N đã gây ra nhiều thiệt thòi cho bà O trong việc sử dụng luân phiên đồng vốn để sản xuất kinh doanh.

Tại phiên tòa, bà O yêu cầu ông Đ và bà N phải cùng có trách nhiệm hoàn trả cho bà O số tiền nợ gốc là 445.474.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 28/6/2016 đến ngày xét xử; tại biên bản lấy lời khai của đương sự do Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung lập ngày 22/10/2018 ông Đ và bà N cùng thừa nhận còn nợ bà O số tiền nợ gốc là 445.474.000 đồng và thống nhất hoàn trả cho bà O số tiền nợ gốc là 445.474.000 đồng, nhưng không thống nhất trả tiền lãi phát sinh từ ngày 28/6/2016.

Xét thấy: Theo thỏa thuận giữa bà O và ông Đ, bà N trong hợp đồng, nếu ông Đ và bà N vi phạm hợp đồng thì ông Đ và bà N phải trả thêm tiền lãi với lãi suất 1%/tháng. Việc thỏa thuận lãi suất trong hợp đồng này không vượt quá lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường theo quy định tại Điều 306 của Luật thương mại, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do ông Đ và bà N đã vi phạm hợp đồng, thì bà O có quyền yêu cầu ông Đ và bà N trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng là 1%/ tháng, từ ngày 28/6/2016 đến ngày xét xử là 28 tháng 28 ngày, lãi suất được tính cụ thể như sau:

445.474.000 đồng x 1% x 28 tháng 28 ngày = 128.890.477 đồng.

Từ những phân tích trên, xử buộc ông Đ và bà N cùng có trách nhiệm trả cho bà O số tiền gốc là 445.474.000 đồng và tiền lãi là 128.890.477 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi là 574.364.477 đồng.

[3] Đối với ý kiến của ông Trần Văn Đ và bà Huỳnh Thị N xin trả dần bằng cách mỗi năm 30.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, xét thấy không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà O, buộc ông Đ và bà N cùng có trách nhiệm trả cho bà O số tiền nợ gốc là 445.474.000 đồng và tiền lãi phát sinh tử ngày 28/6/2016 đến ngày xét xử. Như đã nhận định ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc ông Đ và bà N phải nộp số tiền 26.974.579 đồng án phí dân sự sơ thẩm; bà O không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà O số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.909.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000604 ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 11, Điều 24, Điều 50 và Điều 306 của Luật thương mại; Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 17 của Luật phí và lệ phí, ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị O.

Xử buộc ông Trần Văn Đ và bà Huỳnh Thị N phải cùng có trách nhiệm hoàn trả cho bà Lê Thị O số tiền gốc và lãi là 574.364.477 đồng (*năm trăm bảy mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi bốn ngàn bốn trăm bảy mươi bảy đồng)*.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà O có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Đ và bà N còn phải trả lãi cho bà O theo mức lãi suất 10%/năm, đối với số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn Đ và bà Huỳnh Thị N phải nộp số tiền 26.974.579 đồng (*hai mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi bốn ngàn năm trăm bảy mươi chín đồng)* án phí dân sự sơ thẩm; bà Lê Thị O không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà O số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.909.000 đồng *(mười triệu chín trăm lẻ chín ngàn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000604 ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn bà Lê Thị O có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đồng bị đơn ông Trần Văn Đ và bà Huỳnh Thị N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Liên Lâm Anh Thảo